TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÁNH LINH** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 08/2020/DS-ST Ngày: 20-5-2020 V/v: Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Bình.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Dương Thế Hà và bà Phạm Thị N Hữu.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Biện Việt Cường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 384/2019/TLST-DS ngày 26 tháng 12 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2020/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Khuất Thị Hoàng O, sinh năm 1964; Nơi cư trú: Tổ 01, khu phố S, trị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Bích N, sinh năm 1963 và ông Phan H, sinh năm 1966; Cùng Nơi cư trú: Xóm 02, thôn 01, xã G, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

3. Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh D, sinh năm 1989; Nơi cư trú: Thôn 04, xã C, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Theo văn bản ủy quyền số 5188.2019 ngày 25/12/2019.

Tại phiên tòa có mặt: Bà Nguyễn Thị Thanh D, bà Nguyễn Thị Bích N. Vắng mặt ông Phan H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn bà Khuất Thị Hoàng O do bà Nguyễn Thị Thanh D là người đại diện theo uỷ quyền trình bày:

Trong khoảng thời gian từ ngày 02/10/2016 đến ngày 13/11/2017 (Dương lịch), bà Khuất Thị Hoàng O có cho vợ chồng bà Nguyễn Thị Bích N, ông Phan H

vay tổng cộng số tiền 550.000.000đ (*năm trăm năm mươi triệu đồng*). Cụ thể: Ngày 02/10/2016, cho vay số tiền 200.000.000đ và ngày 13/11/2017 cho vay số tiền 350.000.000đ. Mục đích vay tiền để vợ chồng bà N, ông H đầu tư chăn nuôi, phát triển kinh tế gia đình. Hai bên không xác định thời hạn trả nợ, lãi suất theo thỏa thuận là 1%/tháng. Đến khoảng cuối năm 2018 bà N và ông H không còn khả năng thanh toán cho bà O nên ngày 31/12/2018 hai bên thỏa thuận tính toán lại số nợ và thống nhất lập "Hợp đồng vay tiền" để xác nhận số nợ và lãi thỏa thuận như đã nêu trên.

Từ đầu năm 2019 đến nay bà O đã nhiều lần yêu cầu trả nợ gốc và lãi nhưng vợ chồng bà N, ông H không trả nên bà làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên buộc vợ chồng bà N, ông H phải trả cho bà số tiền 550.000.000đ (*năm trăm năm mươi triệu đồng*) tiền nợ gốc và lãi phát sinh từ ngày 01/01/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm với lãi suất 1%/tháng.

Lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, lời khai tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị Bích N và ông Phan H trình bày:

Trong khoảng thời gian từ ngày 02/10/2016 đến ngày 13/11/2017 (Dương lịch), vợ chồng bà N, ông H có vay của bà O tổng cộng số tiền 550.000.000đ (*năm trăm năm mươi triệu đồng*) như trình bày của bà Khuất Thị Hoàng O. Mục đích vay tiền tiền để đầu tư chăn nuôi, phát triển kinh tế gia đình. Hai bên không xác định thời hạn trả nợ, lãi suất hai bên tự thỏa thuận là 1%/tháng. Đến khoảng cuối năm 2018 bà N và ông H không còn khả năng thanh toán cho bà O nên ngày 31/12/2018 hai bên thống nhất lập "Hợp đồng vay tiền" để xác nhận số nợ như đã nêu trên. Bà N và ông H xác nhận có ký, ghi họ tên vào mục "BÊN VAY TIỀN" theo "Hợp đồng vay tiền" đề ngày 31/12/2018, ông bà đã nhận đủ số tiền vay, sau đó sử dụng tiền vay để đầu tư chăn nuôi. Vợ chồng bà N và ông H xác nhận có nợ bà Khuất Thị Hoàng O số tiền 550.000.000đ (*năm trăm năm mươi triệu đồng*) tiền nợ gốc và toàn bộ số tiền lãi phát sinh kể từ ngày 01/01/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm như bà O đã trình bày. Tuy nhiên hiện nay việc làm ăn liên tục thua lỗ, kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn nên không thể thanh toán số nợ nêu trên cho bà O.

Tòa án đã tiến hành hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng hòa giải không thành.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- *Nguyên đơn do bà Nguyễn Thị Thanh D trình bày*: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu vợ chồng bà Nguyễn Thị Bích N và ông Phan H phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Khuất Thị Hoàng O số tiền 642.400.000đ (*sáu trăm bốn mươi hai triệu bốn trăm nghìn đồng*). Trong đó 550.000.000đ tiền nợ gốc và 92.400.000đ tiền lãi phát sinh từ ngày 01/01/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm 20/5/2020 tương đương với 16 tháng 20 ngày.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Bích N trình bày:

Bà Nguyễn Thị Bích N xác nhận hiện nay có nợ của bà Khuất Thị Hoàng O số tiền tiền nợ gốc và toàn bộ số tiền lãi phát sinh kể từ ngày 01/01/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm như trình bày của nguyên đơn. Tuy nhiên hiện nay việc làm ăn liên tục thua lỗ, kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn nên không thể thanh toán số nợ nêu trên cho bà O. Bà N đề nghị nguyên đơn cho bà xin khoản lãi, đối với nợ gốc thì xin trả mỗi năm 50.000.000đ cho đến khi trả hết nợ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận phát biểu việc kiểm sát tuân theo pháp luật: Về thủ tục tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa tiến hành tố tụng đúng quy định; người tham gia tố tụng chấp hành pháp luật.

- Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuyên buộc bà Nguyễn Thị Bích N và ông Phan H phải liên đới trả cho nguyên đơn bà Khuất Thị Hoàng O 550.000.000đ (*năm trăm năm mươi triệu đồng*) tiền nợ gốc và toàn bộ số tiền lãi phát sinh kể từ ngày 01/01/2019 đến ngày xét xử sơ 20/5/2020.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra, xem xét tại phiên toà, căn cứ lời khai của các đương sự, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện cũng như trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Khuất Thị Hoàng O yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị Bích N, ông Phan H phải có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn tiền nợ gốc và lãi phát sinh, do đó Tòa án xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản" được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn có nơi cư trú tại: Thôn 01, xã G, huyện T, tỉnh Bình Thuận nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thời hiệu khởi kiện của vụ án: Do không có đương sự nào đề nghị áp dụng thời hiệu, căn cứ quy định tại Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án không xem xét về thời hiệu đối với vụ án này.

[3]. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tống đạt đầy đủ, hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho các đương sự theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án đã tiến hành hòa giải để các đương sự giải quyết toàn bộ vụ án nhưng hòa giải không thành; Sau khi hòa giải, đại diện theo ủy quyền

của nguyên đơn có đơn từ chối tiếp tục hòa giải nên theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được. Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn ông Phan H nhưng có vợ ông là bà Nguyễn Thị Bích N đại diện tham gia phiên tòa nên theo quy định tại khoản 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn ông Phan H.

[4] Về nội dung vụ án:

4.1 Về yêu cầu trả tiền nợ vay: Bà Khuất Thị Hoàng O yêu cầu vợ chồng bà Nguyễn Thị Bích N và ông Phan H phải có trách nhiệm trả cho bà tổng số tiền 642.400.000đ (*sáu trăm bốn mươi hai triệu bốn trăm nghìn đồng*). Trong đó 550.000.000đ tiền nợ gốc và 92.400.000đ tiền lãi phát sinh từ ngày 01/01/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm 20/5/2020 tương đương với 16 tháng 20 ngày. Bị đơn bà Nguyễn Thị Bích N và ông Phan H thừa nhận có nợ bà Khuất Thị Hoàng O cả gốc và lãi tổng cộng số tiền như đã nêu trên.

Nguyên đơn cung cấp cho Tòa án "Hợp đồng vay tiền" đề ngày 31/12/2018 nội dung: "*Vợ chồng chúng tôi tên Phan H, sinh năm 1966 và Nguyễn Thị Bích N, sinh năm 1963, địa chỉ: Số nhà 674 đường 720, tổ 2, thôn 1, xã G, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Chúng tôi xác nhận có vay của cô Khuất Thị Hoàng O, trú tại khu phố 8, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận số tiền 550.000.000đ (năm trăm năm mươi triệu đồng chẵn). Lãi suất vay thỏa thuận là 1%/tháng*".

Bị đơn thừa nhận có ký, ghi họ tên phía dưới mục "BÊN VAY TIỀN" phía dưới bên trái của "Hợp đồng vay tiền" đề ngày 31/12/2018, xác nhận toàn bộ số nợ cả gốc và lãi nêu trên như vậy bên vay tiền và bên cho vay tiền đều thống nhất xác nhận số nợ gốc và lãi, do đó đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 93 Bộ luật tố tụng dân sự.

4.2 Về tiền lãi: Theo thỏa thuận tại "Hợp đồng vay tiền" đề ngày 31/12/2018 được xác lập giữa bà Khuất Thị Hoàng O với vợ chồng bà Nguyễn Thị Bích N, ông Phan H thì lãi suất hai bên thỏa thuận là 1%/tháng tương ứng với số tiền nợ vay. Mức lãi suất này do các bên tự thỏa thuận, không trái với quy định của pháp luật, phù hợp với mức lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự (không vượt quá 20%/năm) nên có căn cứ chấp nhận.

Tuy nhiên tại phiên tòa, nguyên đơn tính toán tổng số tiền nợ gốc và lãi là 642.400.000đ (*sáu trăm bốn mươi hai triệu bốn trăm nghìn đồng*). Trong đó 550.000.000đ tiền nợ gốc và 92.400.000đ tiền lãi phát sinh từ ngày 01/01/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm 20/5/2020 tương đương với 16 tháng 20 ngày là chưa đúng vì: Căn cứ vào "Hợp đồng vay tiền" đề ngày 31/12/2018 thì lãi suất hai bên thỏa thuận là 1%/tháng. Thời hạn trả lãi tính từ ngày 01/01/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm 20/5/2020 là 16 tháng 20 ngày. Do đó tiền lãi được tính như sau: 550.000.000đ x 16 tháng 20 ngày x 1%/tháng = 91.667.000đ. Như vậy tổng cộng tiền nợ vay cả gốc và

lãi 550.000.000đ + 91.667.000đ = 641.667.000đ (*sáu trăm bốn mươi mốt triệu sáu trăm sáu mươi bảy nghìn đồng*).

Từ những căn cứ nêu trên có đủ cơ sở xác định vợ chồng bà Nguyễn Thị Bích N, ông Phan H còn nợ bà Khuất Thị Hoàng O 641.667.000đ (*sáu trăm bốn mươi mốt triệu sáu trăm sáu mươi bảy nghìn đồng*). Trong đó 550.000.000đ tiền gốc và 91.667.000đ tiền lãi. Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên chấp nhận.

4.3 Về nghĩa vụ trả nợ: Vợ chồng bà Nguyễn Thị Bích N, ông Phan H cùng xác lập, cùng ký tên vào "Hợp đồng vay tiền" đề ngày 31/12/2018, do đó giao dịch vay tiền được xác lập trong thời kỳ hôn nhân, mục đích vay tiền nhằm đầu tư chăn nuôi, phát triển kinh tế gia đình nên vợ chồng bà Nguyễn Thị Bích N, ông Phan H phải có trách nhiệm liên đới trong việc trả nợ vay theo quy định tại Điều 27 và Điều 37 Luật hôn nhân gia đình.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải trả cho nguyên đơn, đồng thời nguyên đơn được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 4 Điều 207; khoản 2 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, khoản 2 Điều 469 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Khuất Thị Hoàng O; Buộc bà Nguyễn Thị Bích N và ông Phan H phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Khuất Thị Hoàng O tổng cộng số tiền 641.667.000đ (*sáu trăm bốn mươi mốt triệu sáu trăm sáu mươi bảy nghìn đồng*). Trong đó 550.000.000đ tiền gốc và 91.667.000đ tiền lãi.

2. Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về án phí:

- Buộc bà Nguyễn Thị Bích N và ông Phan H phải nộp 29.667.000đ (*hai mươi chín triệu sáu trăm sáu mươi bảy nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại cho bà Khuất Thị Hoàng O số tiền 10.306.000đ (*mười triệu ba trăm lẻ sáu nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số N 0027207 ngày 26/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tánh Linh.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (20/5/2020), đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Tánh Linh;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Tánh Linh;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Văn Bình